



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chế độ giáo dục của Việt Nam (1)

- Diện tích: 329.241 kilômét vuông (bằng khoảng 90% của Nhật)
- Dân số: khoảng 97,62 triệu người (Tổng cục thống kê Việt Nam, năm 2020)
- Dân tộc: dân tộc Kinh khoảng 86%, ngoài ra còn có 53 dân tộc thiểu số
- Ngôn ngữ: tiếng Việt
- Tôn giáo: đạo Phật, đạo Công giáo, đạo Cao đài, v.v.
- Tuổi thọ trung bình: nam giới: 69 tuổi, nữ giới: 78 tuổi (Tổ chức sức khỏe thế giới, năm 2019)
- Tỷ lệ người trưởng thành biết chữ: 95,8% (UIS, năm 2019)

Trong số những người lưu trú tại Nhật Bản (trừ những người lưu trú ngắn hạn, v.v.) có liên quan đến Việt Nam, người lưu trú có tư cách lưu trú là "Kĩ thuật, Tri thức nhân văn, Nghiệp vụ quốc tế"/"Đoàn tụ gia đình" trong đó việc lưu trú được công nhận dài nhất là 5 năm với 1 lần xin, và "Kỹ năng", v.v. với nhiều thời hạn lưu trú khác nhau chiếm 72% trong tổng thể (Cục Thống kê - Bộ Nội vụ và Truyền thông, tháng 6 năm 2022). Xét đến việc thời hạn lưu trú của phụ huynh đang bị hạn chế, việc hướng dẫn cho con cái của họ với tầm nhìn ngắn hạn được kỳ vọng.

Hệ thống trường học và bằng cấp/học vị có thể lấy

- Luật giáo dục năm 1998 đã quy định giáo dục 5 năm ở trường tiểu học là giáo dục phổ cập (Universalization of education). Với Luật giáo dục năm 2005, giáo dục phổ cập được quy định là 9 năm bao gồm cả trường trung học cơ sở, vào theo Luật giáo dục năm 2019, 10 năm cộng thêm cả giáo dục trẻ 5 tuổi trước khi đi học đã trở thành giáo dục phổ cập (JETRO, năm 2021).
- Luật giáo dục năm 2019 đã quy định trường tiểu học là giáo dục bắt buộc (Compulsory education). Tỷ lệ rông học sinh đi học cấp tiểu học năm 2021 là 97,7%. (UIS, năm 2023).

Nhà trẻ, trường mầm non	
Trường mầm non	Trường mầm non (5~6 tuổi)
Trường tiểu học (Giáo dục bắt buộc) (Trường cấp 1)	Lớp 1 (6~7 tuổi)
	Lớp 2 (7~8 tuổi)
	Lớp 3 (8~9 tuổi)
	Lớp 4 (9~10 tuổi)
	Lớp 5 (10~11 tuổi)
Trường trung học cơ sở (Trường cấp 2)	Lớp 6 (11~12 tuổi)
	Lớp 7 (12~13 tuổi)
	Lớp 8 (13~14 tuổi)
Lớp 9 (14~15 tuổi)	
Trường trung học phổ thông (lớp 10~12)	
Cao đẳng, đại học, v.v.	

Tại khoản 1 điều 14 Luật giáo dục năm 2019 có quy định cấp học bắt buộc phải hoàn thành chỉ có trường tiểu học.

★ Bảng tốt nghiệp giáo dục tiểu học

★ Bảng tốt nghiệp giáo dục trung học cơ sở

★ Bảng tốt nghiệp giáo dục trung học phổ thông

★ Bảng tốt nghiệp đào tạo nghề cao đẳng

★ Dự bị đại học ★ Cử nhân ★ Thạc sĩ

★ Tiến sĩ

Thủ tục nhập học mầm non/tiểu học, có hay không phân tuyến tuyển sinh

- Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện giáo dục bắt buộc, lập kế hoạch và xúc tiến phổ cập giáo dục. Mặt khác, phụ huynh có nghĩa vụ phải bắt con mình hoàn tất giáo dục bắt buộc và theo học giáo dục phổ cập.
- Trên nguyên tắc, trường phải theo học được chỉ định.
- Trong thời gian làm thủ tục nhập học (tháng 5~tháng 6), phụ huynh đăng ký nhập học mầm non/tiểu học cho trẻ. Giấy tờ cần nộp gồm có đơn đăng ký do trường phát, giấy khai sinh của trẻ, giấy tờ xác nhận nơi cư trú. Trường hợp từ lớp 2 trở lên thì còn cần phải nộp bằng điểm của các năm trước.

Chi phí giáo dục trường học

- Tại Việt Nam, Hiến pháp quy định trường tiểu học công lập được miễn học phí. Tuy nhiên, theo một số nguồn tin có viết thì ngay cả trường tiểu học công lập cũng phải đóng học phí. (JETRO, năm 2021).
- Kể từ cấp giáo dục trung học trở đi cần phải nộp học phí, nhưng các trường hợp như gia đình có thu nhập thấp, dân tộc thiểu số, trẻ phải đi học xa, v.v. thì cũng có khi học phí được miễn. Học phí trường tư năm 2012 gấp trường công khoảng 4 lần (Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, năm 2016).
- Ngay cả trường công, cũng cần phải mua đồng phục và sách giáo khoa, v.v.
- Chi phí giáo dục trung bình một năm của một trẻ mà gia đình phải chi trả trong năm 2020 là 7.071.000 đồng (khoảng 40.000 yên). Trong đó, học phí chiếm 35% của tổng số tiền, chi phí giáo dục bên ngoài trường học (tiền học thêm) chiếm 18%, tiền quyền góp cho trường chiếm 7% (Tổng Cục thống kê Việt Nam, năm 2021).
- Chi phí giáo dục trung bình một năm của một trẻ có sự khác biệt lớn tùy theo địa phương cư trú. Năm 2020, chi phí giáo dục của một trẻ ở vùng thành thị gấp vùng nông thôn khoảng 2,2 lần (Nguồn: như trên).

Điều kiện học lên tiếp

- Trường trung học cơ sở: hoàn thành giáo dục tiểu học
- Trường trung học phổ thông: hoàn thành giáo dục trung học cơ sở và đỗ kì thi nhập học
- Cao đẳng, đại học: hoàn thành giáo dục trung học phổ thông hoặc đỗ kỳ thi chứng nhận của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tỷ lệ nhập học đại học của Việt Nam cao. Năm 2015, với nỗ lực giảm gánh nặng cho các thí sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề ra phương châm gộp chung kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và kỳ thi đại học.

Chế độ giáo dục của Việt Nam (2)

Việc đi học của trẻ khuyết tật

* Định nghĩa của “Giáo dục hỗ trợ đặc biệt” và “Lớp học đặc biệt” rất khác nhau tùy theo mỗi nước. Chi tiết xin tham khảo thông tin hướng dẫn sử dụng khảo sát chế độ giáo dục mỗi nước.

Từ khi ban hành Luật người khuyết tật vào tháng 6 năm 2010 (Luật số 51/2010/QH12), trẻ khuyết tật cũng được xúc tiến giáo dục hòa nhập tại trường thông thường. Thế nhưng, có các báo cáo đề cập rằng do ngân sách và cơ sở/thiết bị, giáo viên được huấn luyện đặc biệt, v.v. không có đủ, nên cơ hội giáo dục không được cung cấp đầy đủ.

• Thủ tục nhập học

Luật người khuyết tật (năm 2010) quy định rằng cơ sở giáo dục không thể từ chối việc nhập học của trẻ khuyết tật. Ngoài ra, còn quy định việc miễn học phí và nói lỏng điều kiện nhập học đối với trẻ khuyết tật.

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu năm học, hiệu trưởng của trường tiếp nhận trẻ khuyết tật ngoài việc yêu cầu phụ huynh nộp các giấy tờ xin đăng ký, chẳng hạn như giấy chứng nhận về khuyết tật, còn phải xin cơ quan hành chính giáo dục dự toán ngân sách nhằm thực hiện giáo dục phù hợp với nhu cầu của trẻ. Dựa trên đơn xin này, trường sẽ được cấp số tiền cần thiết.

• Nơi giáo dục trẻ khuyết tật

Kế hoạch giáo dục riêng biệt được hoạch định dành cho trẻ khuyết tật. Ngoài ra, tại trường hỗ trợ đặc biệt và lớp hỗ trợ đặc biệt, giáo dục dựa theo chương trình giảng dạy hỗ trợ đặc biệt theo từng loại khuyết tật được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định được tiến hành.

Trường giáo dục hòa nhập (Inclusive education school)

Ở lớp học của trường thông thường, có cả trẻ khuyết tật lẫn trẻ không bị khuyết tật cùng học.

Trường giáo dục bán hòa nhập (Semi-inclusive education school)

Trong trường thông thường, lớp hỗ trợ đặc biệt được thiết lập và trẻ khuyết tật học tại lớp đó.

Trường hỗ trợ đặc biệt (Special education center)

Giáo dục dựa theo chương trình giảng dạy hỗ trợ đặc biệt theo từng loại khuyết tật được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định được tiến hành.

Có Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (Center for inclusive education support and development) tại đó phát hiện sớm và thực hiện hỗ trợ phát triển đối với trẻ khuyết tật và cung cấp các hỗ trợ nhằm giúp trẻ có thể đi học tại trường thông thường.

Những điểm lưu ý khi hướng dẫn

- Đối với “khuyết tật phát triển” bao gồm cả bệnh tự kỷ và ADHD (Rối loạn tăng động giảm chú ý), v.v. là khái niệm mới, nên cũng có trường hợp phụ huynh không hiểu đầy đủ, hoặc không nhận thức được đó là khuyết tật.
- Cần phải lưu ý rằng tình hình giáo dục, môi trường gia đình và lịch sử nuôi dạy và phát triển, tình hình phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ, v.v. trước khi đến Nhật sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển của trẻ.

Nội dung giáo dục của Việt Nam (1)

- Năm 2018, chương trình giáo dục phổ thông mới (General education curriculum: lớp 1~12) đã được công bố. Chương trình giáo dục phổ thông mới này sẽ được triển khai thực hiện tuần tự từ lớp 1 kể từ năm 2020 trở đi.
- Ngôn ngữ học tập là tiếng Việt.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo đặc biệt xem tiếng Anh và Tin học là các lĩnh vực quan trọng.

Môn học (trường tiểu học lớp 1~lớp 5)

- Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh) và Tin học là môn học bắt buộc từ lớp 3 tiểu học. Lớp 1,2 có thể học ngoại ngữ 1 (tiếng Anh) như là môn học tự chọn.
- Có thể học “tiếng dân tộc thiểu số” ngoài tiếng Việt như là môn học tự chọn.
- Hoạt động trải nghiệm là việc học tập mang tính tích hợp các môn học với mục đích chuyển đổi các trải nghiệm có được từ trước đến nay thành các kiến thức và kỹ năng mới và bồi dưỡng tính sáng tạo và năng lực thích ứng với cuộc sống nhờ vào việc tích hợp các kiến thức và kỹ năng của các môn học khác nhau.

Chế độ đánh giá/lên lớp

- Được đánh giá bằng kết quả thi kiểm tra các môn, thái độ học tập và tình hình điểm danh.
- Thi kiểm tra sẽ được tiến hành vào cuối học kỳ, cuối năm học, và nếu không đủ điểm để thi học sinh được thi lại.
- Học sinh các cấp không đạt được mức tiêu chuẩn nhất định thì không thể lên lớp hay tốt nghiệp mà bị lưu ban, và nếu lưu ban 3 năm thì sẽ trở thành thôi học.

Tỷ lệ hoàn thành (*): Giáo dục tiểu học 97%, Giáo dục trung học cơ sở 84%, Giáo dục trung học phổ thông 56% (năm 2014)

(*): Là tỷ lệ số trẻ đã hoàn thành lớp cuối cấp trong số các trẻ có tuổi cao hơn từ 3~5 tuổi so với tuổi tương ứng với lớp cuối cấp của từng cấp giáo dục (Dữ liệu của UNICEF năm 2022).



Tại chương trình giáo dục phổ thông mới, việc ứng dụng kiến thức đang được xem trọng. Ngoài ra, còn đang hướng đến đào tạo các khả năng đa dạng của trẻ (tính tự chủ, tính hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo, v.v.) và 5 giá trị quan ((1)Yêu nước, (2)Nhân ái, (3)Chăm chỉ, (4)Trung thực, (5)Trách nhiệm).

Các môn học bắt buộc của lớp 1 và lớp 5 tiểu học và số tiết giảng dạy trong năm của từng môn (chương trình giáo dục phổ thông mới)

Môn học bắt buộc	Lớp 1	Lớp 5
Tiếng Việt	420	245
Toán	105	175
Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh)	—	140
Đạo đức	35	35
Tự nhiên và Xã hội	70	—
Lịch sử và Địa lí	—	70
Khoa học	—	70
Tin học	—	70
Thể dục	70	70
Mỹ thuật	70	70
Hoạt động trải nghiệm	105	105



- Tỷ lệ lưu ban của giáo dục tiểu học (trung bình tất cả các khối lớp) là 1% (Ngân hàng thế giới, năm 2018).
 - Tỷ lệ còn lại lớp cuối cấp tiểu học (*) là 96% (Ngân hàng thế giới, năm 2014).
- (*) Là tỷ lệ số trẻ đã học đến lớp cuối cấp, trong số các trẻ đã nhập học lớp đầu tiên của cấp tiểu học.

Nội dung giáo dục của Việt Nam (2): Chương trình giảng dạy môn toán

Bảng danh sách hệ thống nội dung học tập của giáo dục môn toán tiểu học (sắp xếp dựa trên lĩnh vực học tập của Nhật Bản)

Lĩnh vực/Lớp	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Số và tính toán	<ul style="list-style-type: none"> Số trong phạm vi 100 	<ul style="list-style-type: none"> Số trong phạm vi 1000 	<ul style="list-style-type: none"> Số trong phạm vi 100.000 Làm tròn 	<ul style="list-style-type: none"> Số trong phạm vi 100.000.000 Trục số 	<ul style="list-style-type: none"> Tính toán sử dụng máy tính
	<ul style="list-style-type: none"> Phép cộng/phép trừ số có 1, 2 chữ số (tính trên giấy, phép cộng/phép trừ không nhớ) 	<ul style="list-style-type: none"> Tính trên giấy phép cộng/phép trừ số có 2, 3 chữ số (phép cộng/phép trừ có nhớ) Ý nghĩa của phép nhân Cửu chương (2, 5) Ý nghĩa của phép chia Phép chia (số có 2 chữ số)÷(số 2, 5) 	<ul style="list-style-type: none"> Phép cộng/phép trừ số có 3 ~ 5 chữ số Cửu chương (3, 4, 6-9) Tính trên giấy phép nhân (số có 2-5 chữ số) × (số có 1 chữ số) Tính trên giấy phép chia (số có 2-5 chữ số)÷(số có 1 chữ số) Tính trên giấy số dư Tính biểu thức kết hợp bốn phép tính, biểu thức có sử dụng dấu () 	<ul style="list-style-type: none"> Phép cộng/phép trừ số có 6 chữ số Quy luật giao hoán/quy luật kết hợp của phép cộng và phép nhân Quy luật phân phối của phép nhân Phép nhân (số có 2, 3 chữ số) × (số có 2, 3 chữ số) Phép chia (số có 3-5 chữ số)÷(số có 2, 3 chữ số) 	
Hình học	<ul style="list-style-type: none"> Vị trí của vật (trước/sau, trên/dưới, phải/giữa/trái) Quan sát hình phẳng quanh mình (hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn) và hình khối (hình lập phương, hình hộp chữ nhật) 	<ul style="list-style-type: none"> Điểm, đường thẳng, đường gấp khúc Tính chất hình trụ tròn và hình cầu 	<ul style="list-style-type: none"> Góc vuông, đoạn thẳng, trung điểm Tính chất của hình tam giác, hình tứ giác, hình tròn Hình chữ nhật và hình vuông Hình hộp chữ nhật và hình lập phương 	<ul style="list-style-type: none"> Góc nhọn, góc vuông, góc tù Vuông góc và song song Hình bình hành và hình thoi 	<ul style="list-style-type: none"> Tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù, hình thang Các yếu tố của hình lập phương và hình hộp chữ nhật (đỉnh, cạnh, mặt) Khối đa diện
	<ul style="list-style-type: none"> So sánh độ dài (so sánh trực tiếp, đơn vị tùy chọn) Đơn vị độ dài (cm) và đo độ dài 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị độ dài (dm, m, km) Chu vi hình tam giác và hình tứ giác Đơn vị cân nặng (kg) Đơn vị thể tích (L) 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị độ dài (mm) và chuyển đổi đơn vị độ dài Chu vi hình tam giác và hình tứ giác Khái niệm và đơn vị của diện tích (cm²) Công thức tính diện tích của hình chữ nhật và hình vuông Đơn vị cân nặng (g) Đơn vị thể tích (mL) 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị diện tích (dm², m², km²) Công thức tính diện tích hình bình hành, hình thoi Đơn vị cân nặng (t) Độ lớn của góc 	<ul style="list-style-type: none"> Chu vi hình tròn Đơn vị diện tích (ha) Công thức tính diện tích hình tam giác, hình thang, hình tròn Khái niệm và đơn vị của thể tích (cm³, dm³, m³) Công thức tính diện tích bề mặt/ thể tích của hình lập phương/hình hộp chữ nhật
Đo lường/Thay đổi và quan hệ	<ul style="list-style-type: none"> Cách đọc giờ của đồng hồ (giờ) Lịch (thứ) 	<ul style="list-style-type: none"> Quy ước 12 giờ và quy ước 24 giờ Cách đọc giờ của đồng hồ (○ giờ 15 phút, 30 phút) Lịch (ngày, tháng) 	<ul style="list-style-type: none"> Cách đọc giờ của đồng hồ (giờ, phút) Lịch (tháng, năm) 	<ul style="list-style-type: none"> Đơn vị thời gian (giờ, phút) 	<ul style="list-style-type: none"> Thời gian trôi qua Bốn phép tính của thời gian Tính tốc độ, khoảng cách, thời gian
				<ul style="list-style-type: none"> Tỷ số và tỷ lệ 	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ phần trăm (%) và cách tính
Tận dụng dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> Bảng/hình biểu đồ Xác suất 	<ul style="list-style-type: none"> Sắp xếp số liệu sử dụng bảng 	<ul style="list-style-type: none"> Giá trị trung bình Biểu đồ hình cột 	<ul style="list-style-type: none"> Biểu đồ hình tròn 	



Những điểm lưu ý khi hướng dẫn về số và lĩnh vực tính toán

• Ký hiệu phép chia và tính trên giấy

Tại Việt Nam, ký hiệu phép chia sử dụng dấu “:”. Thí dụ, $12 \div 4$ viết là “12:4”. Ngoài ra, tính trên giấy của phép chia khác với Nhật, viết số chia bên phải số bị chia, và ở dưới số chia viết thương. Đối với trẻ đã học phép chia ở Việt Nam, cần thiết phải hướng dẫn về việc ký hiệu của phép chia sử dụng tại Nhật và cách tính trên giấy khác với Việt Nam.

Thí dụ)
Biểu thức...137:4
Tính trên giấy...

$$\begin{array}{r} 137 \quad 4 \\ 17 \quad 34 \\ 1 \end{array}$$

• Thời kỳ học cửu chương

Tại Nhật, lớp 2 học đến cửu chương 9, nhưng tại Việt Nam lớp 2 chỉ học cửu chương 2 và 5, còn lại sẽ học tại lớp 3. Đối với trẻ học tại Nhật từ lớp 3, trước khi học cần phải hướng dẫn cửu chương cho đến cửu chương 9.

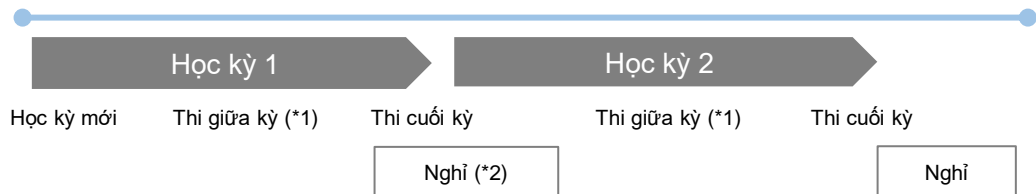
• Thời kỳ học phân số, số thập phân

Tại Nhật, phân số học từ lớp 2, số thập phân học từ lớp 3, nhưng tại Việt Nam phân số học từ lớp 4, và số thập phân chỉ học ở lớp 5. Đặc biệt cần phải lưu ý sự khác biệt về nội dung đã học ở hai nước và đòi hỏi phải tiến hành hướng dẫn cần thiết đối với đơn vị bài học phân số và đơn vị bài học số thập phân.

Văn hóa trường học tại Việt Nam

Sự kiện học đường trong 1 năm

Tháng 9 Tháng 10 Tháng 11 Tháng 12 Tháng 1 Tháng 2 Tháng 3 Tháng 4 Tháng 5 Tháng 6 Tháng 7 Tháng 8



*1 Từ lớp 1~3 không có thi giữa kỳ. Từ lớp 4 môn Toán và tiếng Việt có tổ chức thi giữa kỳ.

*2 Trường nghỉ trong khoảng thời gian đầu năm âm lịch được gọi là Tết. Ngày Tết thay đổi tùy từng năm, thường là vào khoảng cuối tháng 1 đến giữa tháng 2.

Quá trình trong 1 ngày

- Vì thiếu trường và giáo viên, v.v., nên cũng có trường áp dụng chế độ hai buổi dạy, trong đó học sinh các cấp chỉ đến học buổi sáng hoặc buổi chiều.
- Trường tiểu học thì thứ Bảy và Chủ Nhật được nghỉ, nhưng với trường mà số lượng trẻ trong một lớp vượt quá số lượng quy định, cũng có khi sẽ dạy vào thứ Bảy để thực hiện đối sách giảm tình trạng quá tải về số lượng. Tại trường trung học thì có triển khai giờ học vào thứ Bảy.

Ví dụ của trường tiểu học

7:15 Đến trường

7:30 Bắt đầu giờ học buổi sáng

10:45 Kết thúc giờ học buổi sáng

Nghỉ trưa

13:30 Bắt đầu giờ học buổi chiều

16:45 Kết thúc giờ học buổi chiều

Cách thức đi học khác nhau tùy theo địa phương, nhưng cũng có trường hợp phụ huynh đưa đón bằng xe máy hay ô tô.

Năm 2014, nhằm giảm gánh nặng học tập cho học sinh tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thông tư về việc không ra bài tập về nhà. Vì thế, về nguyên tắc trường tiểu học không có bài tập về nhà. Thế nhưng, trên thực tế để học bổ trợ thì cũng có khi giáo viên cho bài tập về nhà.

1 tiết học của trường tiểu học là 35 phút, trường trung học là 45 phút, giữa các tiết có 15 phút nghỉ giải lao.

Trường có cung cấp bữa cơm ở trường hay không thì tùy vào từng trường và từng địa phương. Tại các địa phương làng xã, thường học sinh về nhà để ăn trưa.

Tại Việt Nam, ngủ trưa đã trở thành thói quen, và trường học cũng dành thời gian nghỉ trưa dài.

Quy tắc, tập quán của trường

- Hầu hết các trường tại Việt Nam đều có đồng phục và thiết kế đồng phục khác nhau tùy theo trường và địa phương.
- Học sinh có thể mang bánh kẹo và điện thoại di động đến trường.
- Thông thường theo quy định của trường thì việc uốn tóc hay nhuộm tóc, trang điểm, đeo đồ trang sức bị cấm.

Những thứ cần cho sinh hoạt tại trường

- Tại trường tiểu học công lập thì học phí được miễn phí, nhưng đồng phục, sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy phụ trợ, văn phòng phẩm, v.v. thì gia đình cần phải tự mua.

Hoạt động ngoài giờ học

- Giáo viên tiểu học và trung học có thông lệ dạy ngoài giờ (học thêm) tại trường sau khi tan học, v.v. Mặt bằng giá của tiền học thêm là khoảng 40.000~60.000 đồng/giờ (khoảng 220 yên~330 yên Nhật) trong trường hợp dạy tập thể.
- Có trường hay địa phương tổ chức các sự kiện ăn mừng vào dịp Tết âm lịch, ngày Tết thiếu nhi, Ngày toàn dân phòng, chống ma túy, v.v.
- Các hoạt động ngoại khóa cũng được tiến hành, nhưng việc tham gia là tự nguyện. Trường hợp tham gia hoạt động, cần phải có sự đồng ý của phụ huynh và phải tự trả phí tham gia.

Những việc liên quan đến phụ huynh

- Phụ huynh không dự giờ.
- Họp phụ huynh được tiến hành một lần mỗi học kỳ. Đối với tất cả các học sinh, giáo viên đều không đến nhà, nhưng đối với học sinh các cấp có vấn đề, cũng có khi giáo viên sẽ đến nhà.



Những điểm lưu ý khi hướng dẫn

- Tại Việt Nam, có thói quen ngủ ngắn (ngủ trưa) sau khi ăn trưa, và thời gian trường học cũng dành thời gian nghỉ trưa dài. Vì thế cần phải xem xét về thói quen này khác với của Nhật và đòi hỏi phải hướng dẫn và hỗ trợ để cho trẻ có thể quen với môi trường và văn hóa mới.
- Tại trường tiểu học của Việt Nam, trên nguyên tắc cả trong thời gian diễn ra học kỳ và cả khoảng thời gian nghỉ học dài cũng không cho bài tập về nhà, vì thế cũng có trường hợp cần phải giải thích cẩn thận về việc cho bài tập về nhà.